



# BẢN SẮC VĂN HOÁ VIỆT NAM VÀ VẤN ĐỀ XÂY DỰNG ĐỘI NGŨ NHÂN LỰC TRONG THỜI ĐẠI MỚI, NHÌN TỪ TÁC PHẨM VĂN HỌC

Hoàng Thị Huế

Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế, 34 Lê Lợi, tp. Huế, Việt Nam

Tác giả liên hệ: **Hoàng Thị Huế** < hoangthihue@hueuni.edu.vn >

(Ngày nhận bài: 10-11-2023; Ngày chấp nhận đăng: 19-12-2023)

**Tóm tắt.** Đời sống xã hội thay đổi đã tác động không nhỏ đến đời sống con người dẫn đến những biến đổi một số giá trị văn hoá. Việc xây dựng đội ngũ nhân lực có chất lượng là nhiệm vụ quan trọng của mỗi quốc gia, dân tộc. Nguồn nhân lực có chất lượng cao, những con người mang bản sắc văn hoá, hiểu biết, có trình độ chuyên môn, đạo đức, phẩm chất tốt là nhân tố quyết định sự thành công của sự phát triển kinh tế – xã hội trong thời đại mới. Quan tâm đến con người, xây dựng con người văn hoá là nhiệm vụ trọng tâm của nhà nước. Khảo sát nhân vật trong tác phẩm của Cao Duy Sơn, để thấy, con người trở đi trở lại như những ám ảnh day dứt về sự chuyển biến của xã hội đương đại trong sự biến đổi, rạn nứt, đứt gãy của những giá trị văn hóa, của những số phận cá nhân trước sự xâm thực của văn hóa thời kỳ kinh tế thị trường. Khám phá sự biến đổi trong cấu trúc tâm lý, ứng xử của con người để tái tạo, nhận diện bề sâu các via tầng văn hóa của dân tộc mình và định hướng mẫu hình con người mới, nhân lực của xã hội thời đại mới, là nhiệm vụ, yêu cầu của xã hội. Từ đó khẳng định tính dự báo của văn học, trong đó có nhà văn Cao Duy Sơn.

**Từ khóa:** con người, văn hoá, đội ngũ nhân lực, Cao Duy Sơn

## VIETNAMESE CULTURAL IDENTITY AND HUMAN RESOURCE BUILDING IN THE NEW ERA, SEEN FROM LITERARY WORKS

Hoang Thi Hue

University of Education, Hue University, 34 Le Loi St., Hue, Vietnam,

\*Correspondence to **Hoang Thi Hue** < hoangthihue@hueuni.edu.vn >

(Received: November 10, 2023; Accepted: December 19, 2023)

**Abstract.** The DOI MOI after 1986 in Viet Nam, the policy of expanding exchange and integration with the world has brought new contact to Vietnamese culture, creating human personality shapes in a direction that promotes beauty. tradition, adapting to the new era, but also having wounds, pain, and distortions in the human personality. Changing social life has had a significant impact on human life, leading to changes in value systems. In Cao Duy Son's work, life and people return again and again as tormenting obsessions about the transformation of contemporary society in the changes, cracks, and ruptures of cultural values and individual destinies before the encroachment of culture in the market economy era. Characters in the writer's works are built as subjects carrying cultural values, and are also factors affected and transformed by contemporary culture. These are people on a journey of searching and asserting their identity against the impacts of the external environment, erosion, and cultural interference. Explore the changes in human psychological structure and behavior to recreate and identify the depth of our nation's cultural layers and orient new human models and human resources of the new era society, is the task, social requirement and aspiration of writer Cao Duy Son.

**Keywords:** people, culture, human resources, DOI MOI after 1986, Cao Duy Son.

## I. Đặt vấn đề

Việc xây dựng đội ngũ nhân lực có chất lượng là nhiệm vụ quan trọng của mỗi quốc gia, dân tộc. Nguồn nhân lực có chất lượng cao, những con người mang bản sắc văn hoá, hiểu biết, có trình độ chuyên môn, đạo đức, phẩm chất tốt là nhân tố quyết định sự thành công của sự phát triển kinh tế – xã hội trong thời đại mới. Quan tâm đến con người, xây dựng con người văn hoá là nhiệm vụ trọng tâm của nhà nước. Con người luôn là nhân tố trung tâm của mọi lĩnh vực nghệ thuật. Sự biến đổi giá trị nhân cách con người trong/quá các thời kỳ từng là mô típ trung tâm trong văn học viết về chiến tranh và văn học hậu chiến tranh. Những tác động của chiến tranh và của hoàn cảnh xã hội hậu chiến có thể tác động tích cực hoặc tiêu cực lên nhân cách con người, dẫn đến những kiểu con người tha hóa, biến dạng trong các tác phẩm của Lê Lựu, Chu Lai, Bảo Ninh, Dạ Ngân... Bên cạnh đó, tác động của xâm thực, giao thoa tiếp biến văn hóa cũng để lại những dấu ấn không nhỏ trong định dạng những mô hình nhân cách mới (kiểu con người cá nhân đô thị hiện đại trong Thơ mới và Tự Lực Văn Đoàn ra đời từ cuộc tiếp xúc văn hóa Đông Tây lớn nhất trong lịch sử văn hóa Việt Nam giai đoạn 1930-1945). Mỗi giai đoạn văn hóa sẽ có một kiểu *đóng dấu ấn* văn hóa riêng biệt [3, Tr. 56], *chuẩn mực hóa* lẫn những suy giảm dấu ấn, những đột phá vào chuẩn mực hóa, xuất hiện những *lệch chuẩn*, tức sự khác biệt giữa cá nhân này với cá nhân khác trong chấp nhận những chuẩn mực, tự đặt mình ra

ngoài lễ hoặc các đường biên của sự phá cách. Các chuẩn mực văn hóa mới sẽ hình thành nếu những lệch chuẩn này được khẳng định để trở thành xu hướng và quan điểm chính thống và lại áp đặt một chuẩn mực hóa mới, đóng một dấu ấn văn hóa mới [3, Tr. 65]. Chuẩn giá trị là những giá trị cơ bản được sắp xếp theo trật tự nhất định làm thước đo chung cho cộng đồng xã hội. Chuẩn giá trị có nghĩa là những giá trị định chuẩn, mẫu mực làm mục tiêu phấn đấu chung cho cá nhân và cộng đồng, đó là hệ giá trị định chuẩn *đúng, tốt, đẹp* mà mọi nền văn hóa đều vươn tới [1, Tr. 274].

## II. Nội dung

Cao Duy Sơn là người con của miền núi dân tộc Tày, am hiểu sâu sắc văn hóa dân tộc mình, luôn day dứt, trăn trở vì sự đổi thay của những giá trị văn hóa truyền thống trước sự tác động, xâm thực của văn hóa đương đại. Thế giới nhân vật trong tác phẩm của nhà văn được xây dựng như những chủ thể mang vác những giá trị văn hóa, đồng thời cũng là những nhân tố chịu sự tác động và bị biến đổi bởi văn hóa đương đại. Đó là sự lặp lại và biến đổi trong tâm thức, ứng xử của con người đặt trên phong nền rộng là phong tục tập quán và những giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc Tày. Những biến đổi và lặp lại trong cấu trúc tâm lý, ứng xử đó dẫn đến sự tha hóa hoặc định dạng nhân cách của nhân vật, phóng chiếu những cảm quan cá nhân lên đời sống ở bình diện xã hội rộng lớn lẫn bình diện gia đình, riêng tư, chi phối cốt truyện, kết cấu, cách xây dựng tình huống truyện, hệ thống nhân vật... khu biệt được nét riêng, cá tính của Cao Duy Sơn, đồng thời có cái nhìn hệ thống đối với những sáng tác của nhà văn ở những chiều kích khác nhau.

### 1. Con người chịu tác động của văn hoá thời kỳ mới

Thời kỳ đổi mới từ 1986 đến nay, chủ trương mở rộng giao lưu, hội nhập với thế giới đã đem đến cho văn hóa Việt Nam cuộc tiếp xúc mới tạo nên những định dạng nhân cách theo hướng vừa phát huy được nét đẹp truyền thống, vừa thích ứng với thời đại mới, đồng thời cũng có cả những vết thương, nỗi đau sự méo mó trên hình hài nhân cách con người. Trong thời đại toàn cầu hoá, con người thường phải chịu tác động của các nền văn hoá, đông – tây, hiện đại – truyền thống... Nhân vật Lú và bà mẹ chồng trong *Góc trời Tây có cơn mưa đá* – được tái hiện thông qua xung đột mới – cũ, truyền thống – hiện đại. Lú được khắc họa từ những giằng xé nội tâm giữa khát vọng được sống, được yêu, được thụ hưởng hoa thơm mật ngọt cuộc đời trong tình yêu với Siu và mặc cảm tội lỗi của người đàn bà góa sống *lệch chuẩn*, lệch khỏi những ràng buộc phận vị, quy tắc ràng buộc của nhà chồng. Sử dụng thủ pháp dòng ý thức cùng lối trần thuật từ điểm nhìn nhân vật, Cao Duy Sơn đã tái hiện chân dung, tính cách

người phụ nữ miền núi hiện đại có ý thức sâu sắc về giá trị bản thân và khát vọng được yêu thương một cách tự nhiên “*Đói thì ăn, khát thì phải uống thôi*” [13, Tr. 48]. Tiếng gọi, men say của tình yêu đêm đêm đã dẫn dụ, cuốn Lú vào mê lộ của trái tim “*Nàng đi đây, nàng sẽ đến với tình yêu của nàng. Thứ men lạ lùng nhất trên đời cảm dỗ nàng như bùa bả, chẳng gì ngăn được nàng*” [13, Tr. 254].

Cùng một hoàn cảnh nhưng hai con người, hai thế hệ có hai cách hành xử do sự khác biệt văn hóa, thời đại, quan niệm sống. Trong khi đó, bà mẹ chồng được nhà văn xây dựng như một nguyên mẫu đại diện cho những gì tốt đẹp lẫn khiếm khuyết, hạn chế của văn hóa truyền thống. Xung đột giữa Lú và mẹ chồng là xung đột giữa hai nền văn hóa, giữa mới và cũ. Dầu nhận thức được nhu cầu, khát vọng sống của con người là chính đáng, là thuận theo tự nhiên, nhưng chuẩn mực văn hóa truyền thống, khí quyển văn hóa mà bà được hưởng khiến bà không chấp nhận việc con dâu có những hành xử vượt khỏi những lễ luật định sẵn mà trói buộc cô vào sự hy sinh, cam chịu trong thân phận người đàn bà góa “tam tòng tứ đức”: “*đói thì ăn, khát thì phải uống thôi. Nhưng như thế thì đau lòng lắm. Đạo lý sẽ bị lộn ngược, đóc cái xấu xa rơi vãi ra khắp nơi*” [13, Tr. 248].

Trận đòn giáng xuống Lú trong đêm tối bằng chính cây gậy rẽ si – gia bảo của dòng họ nhà chồng, biểu tượng của quyền uy và chuẩn mực đạo đức của văn hóa truyền thống, là sự bộc lộ cao điểm của xung đột văn hóa. Đây là tình huống nghệ thuật có ý nghĩa ẩn dụ sâu sắc. Đó là trận đòn thù đầy tiếc nuối: “*Trả thù quá khế, phải nhằm đánh vào hôm nay, vì hôm nay không chịu nghe lời. Hôm nay muốn đi theo cách riêng. Cách riêng đó có tội vì đã đánh thức sự tiếc nuối tuổi trẻ một thời của bà*” [13, Tr. 266].

Chi tiết cây gậy rẽ si, biểu tượng của sức mạnh quyền uy bị chính tay bà mẹ chồng chặt đứt và những hành động lệch chuẩn – không trở về nhà như lệ thường của Lú, quyết tâm ra đi sau trận đòn của mẹ chồng... là những tình huống mang ý nghĩa minh chứng sắc nét cho sự tương tác, đứt gãy, rạn nứt và cải biến văn hóa, trong sự định hình của một hệ giá trị mới tương thích với thời đại, đồng thời chỉ rõ sự vênh lệch của hệ giá trị cũ. “*Một nền văn hóa rất có thể sản sinh những gì sẽ phá hoại chính nó*” [3, Tr. 73]. Lệ Chòm lại đề cập đến sự biến đổi tâm lý nhân cách con người trong một bối cảnh khác, vừa là sự xung khắc đối kháng trong tâm thức con người nhưng sâu xa là sự tương tác va chạm của hai nền văn hóa, hai dân tộc Kinh – Tày. Có thể thấy “*Văn hóa mở ra và cung ứng cho cá nhân những hiểu biết văn hóa tích lũy được: ngôn ngữ, chuẩn thức... song đồng thời cũng khép lại và ức chế những chuẩn mực, quy tắc, ngăn cản, cấm kỵ của*

nó bằng quan niệm coi dân tộc mình là trung tâm, tự thân thánh hóa, tình trạng không biết về cái không biết của nó, cái mở rộng của tri thức đồng thời cũng là cái khép chặt của tri thức" [3, Tr. 32]. Những tập tục có khi là thuần phong mỹ tục nhưng có khi bị biến tướng thành hủ tục, bị con người lợi dụng che đậy cho những âm mưu đen tối của mình. Tục lệ vợ chồng lấy nhau phải chờ đến khi có con mới được sống chung là nguyên nhân của mọi bi kịch trong truyện ngắn *Song sinh*, hay hủ tục Phly Piai trong *Tượng trắng...* Người Kinh sống cùng người dân tộc, sự hòa hợp của hai nền văn hóa không phải lúc nào cũng trùng khớp, cũng mang lại những điều tốt đẹp mà có thể ngược lại. Sự phân biệt, dị ứng với người không phải dân tộc mình của lão Khính đối với lão Thông và Cao dẫn đến những hành xử thiếu thiện ý. Nhưng phản ứng đầy nhân văn của Cao lại là tình huống mở nút của cốt truyện dẫn câu chuyện phát triển theo hướng khác, mở ra một sự hòa quyện đẹp đẽ giữa hai nền văn hóa, hai dân tộc Kinh – Tày.

Môi trường đổi thay khiến con người cũng khó cưỡng lại những cám dỗ, ma mị của vật chất, những kẻ bất lương cũng xuất hiện nhiều. Sự tha hoá, biến chất của con người từ tác động của kinh tế thị trường là những trở ngại mà Cao Duy Sơn gửi gắm trong tác phẩm. Đó là: Sèn Sì, Pìn Sì, Phúng Sòong, Lão Lâm, Phấn (*Người lang thang*), Sáng Và, Lão Khóa (*Cực lạc*), Chăng (*Hoa mạn đồ*). Đặc biệt miền núi thời kì đổi mới, với những khởi sắc nhưng đồng thời nảy sinh những mâu thuẫn mới, con người tinh ranh hơn, ma mãnh hơn như: Đinh Xuân Ấn, Tuệ, Lương Nhân, Hóong già, Nhẫn, Thang, Thính (*Đàn trời*), Lão Tu, Lão Soóng, (*Chòm ba nhà*). Trong hàng ngũ quân đội cũng không ít những kẻ ti tiện, tiêu biểu là "Đầu hói" (*Chòm ba nhà*). Tuy nhiên, sự lệch chuẩn theo hướng tha hoá chỉ dừng lại ở phạm vi rải rác, chưa tạo nên một chuẩn mới. Chính từ sự lung chùng đó, Cao Duy Sơn gửi gắm những trở ngại của mình về hệ giá trị của con người thời kỳ này. Toàn cầu hoá cũng có một số những chuẩn mực do thể chế văn hóa, do con người tạo ra để phục vụ cho tính ổn định của xã hội. Nhưng bên trong những chuẩn mực hóa ấy luôn tồn tại những lệch chuẩn do sự khác biệt giữa các cá nhân trong thái độ đối với chuẩn mực, quy tắc, lễ luật văn hóa. Họ có thể đặt mình ra ngoài lề, hoặc nổi loạn.

Nhân vật trong truyện ngắn và tiểu thuyết của Cao Duy Sơn không những được xây dựng như những chủ thể chịu sự tác động của văn hóa, đặt trong sự tương tác, giao thoa văn hóa dẫn đến những biến đổi và định dạng nhân cách mà còn là những chủ thể mang vác những giá trị văn hóa được đặt trong quan hệ lồng ghép với các giá trị văn hóa, các sinh hoạt phong tục tập quán đẹp đẽ.

## 2. Con người là chủ thể văn hoá

Con người luôn là hằng số văn hoá của mọi thời đại, con người là sản phẩm của văn hoá và cũng là chủ nhân của các nền văn hoá. Đời sống xã hội thay đổi đã tác động không nhỏ đến đời sống con người, dẫn đến những biến đổi các hệ giá trị. Trong tác phẩm của Cao Duy Sơn, cuộc sống, con người trở đi trở lại như những ám ảnh day dứt về sự chuyển biến của xã hội đương đại trong sự biến đổi, rạn nứt, đứt gãy của những giá trị văn hóa, của những số phận cá nhân trước sự xâm thực của văn hóa thời kỳ kinh tế thị trường. Nhân vật Đồ trong *Hòn bi đá màu trắng* là người kéo đàn nhị tài hoa ở Cô Sầu. Tiếng đàn của Đồ là món ăn tinh thần không thể thiếu của người dân, nếu thiếu Đồ, thiếu tiếng đàn, họ sợ sẽ biến thành đồ con lợn. Nhưng rồi tiếng sáo của Soóng đã kéo số đông cái tai người Cô Sầu hướng về phía nhà mình. Tiếng đàn của Đồ không còn rộn rã với kịch *Mộc tàu hí* – một tuồng hát của người Tày có minh họa bằng những rối đầu gỗ hay những ni non đấm đuổi kể về mối tình bi ai Nam Kim, Thị Đan trong điệu lượn then nữa. Sự ích kỷ, ghen tỵ đã ghì tiếng đàn nhị sát đất, đã vò nát đời Đồ. Để cuối cùng hòn bi đá màu trắng và lời của Ki – con trai của Đồ, đã đánh thức và mở ra tất cả. Màu trắng của bụi thông trên cây đàn nhị, màu trắng của hòn bi đá, màu trắng trong mắt con chim ưng sắp chết... mang ý nghĩa biểu tượng sâu sắc. Biểu tượng màu trắng mang ý nghĩa đa văn hóa, ở châu phi “*màu trắng là màu được dùng để đẩy lùi sự chết*” [13, Tr. 3]. Sự lặp lại biểu tượng màu trắng trong *Hòn bi đá màu trắng* của Cao Duy Sơn là một dụng ý nghệ thuật mang nhiều hàm nghĩa: Màu trắng phân thông trên cây đàn nhị chuyển tải ý nghĩa giá trị đích thực của nghệ thuật và người làm nghệ thuật. Màu trắng còn “*tượng trưng cho cái phi thời gian và tất cả những gì kèm theo thời gian là sự luân phiên bóng tối và ánh sáng, yếu đuối và sức mạnh, ngủ và tỉnh*” [2, Tr. 3]. Đó là phần thanh cao, vượt lên những nhỏ nhen đời thường của nghệ thuật, của tâm hồn con người mà chính Đồ quên lời thầy dặn để nó nhem nhuốc đi nên tiếng nhị không réo rắt thu hút nữa, tâm hồn đứa con trai cũng bị sự hắt hủi của Đồ làm tổn thương, màu trắng của đôi mắt chim ưng, thần tự do của Đồ cũng khép lại. Cuối cùng Đồ chạy theo viên bi trắng giữa đời cỏ mênh mông như cố níu giữ chút trắng trong, đẹp đẽ của cuộc đời. Hình ảnh màu trắng lặp đi lặp lại trong tác phẩm như một thông điệp của Cao Duy Sơn về sự cứu rỗi của tinh thần, của niềm tin, một thứ màu sắc của tâm hồn trên hành trình tìm kiếm giá trị con người, cuộc đời.

Có thể thấy, truyện ngắn Cao Duy Sơn có sự lặp lại nghệ thuật ở nhiều cấp độ, lặp ở chi tiết, tình tiết, không gian, tình huống, kết thúc truyện... với nhiều hàm nghĩa khác nhau. Lặp là một trong những nguyên tắc thi pháp thể hiện tính độc đáo, sáng tạo trong nghệ thuật. Lặp lại

nhưng luôn biến đổi và mới mẻ, tạo ra nhiều ám gợi trên nhiều cấp độ trong cùng một văn bản hoặc nhiều văn bản là một trong những quy tắc tổ chức hình thức nghệ thuật thể hiện phong cách của tác giả. Truyện ngắn Cao Duy Sơn có sự lặp lại trong nghệ thuật xây dựng nhân vật lồng ghép với sinh hoạt văn hóa (*Chợ tình, Súc Hỷ, Lễ hội pháo hoa, Hòn bi đá màu trắng...*), lặp trong nghệ thuật xây dựng tình huống truyện, kết thúc truyện. Kiểu kết thúc của rất nhiều truyện ngắn như *Song sinh, Hoa bay cuối trời, Hòn bi đá màu trắng, Súc Hỷ, Hấp hối, Chợ tình, Lễ hội pháo hoa* là một cách khẳng định sự bất tử của tình yêu chân chính và lòng nhân hậu, của những phẩm chất tốt đẹp và sức sống tiềm tàng của con người. Hoặc sự lặp lại trong hành trình tìm kiếm người yêu cũ của lão Thim – được tái hiện từ nhiều điểm nhìn xen những lời thoại một phía, hành trình trở về của Lưu (*Chiếc gương hình mặt trời*), của Khơ, Sinh... (*Lễ hội pháo hoa, Chợ tình*). Trong hành trình trở về của Lưu hàm ẩn những lời cật vấn, đối thoại, truy tìm câu trả lời cho quá khứ ba mươi năm ám ảnh, day dứt, hoài nghi, tiếc nuối. Hình ảnh con đường Khơ đưa Dinh về cuối chân trời, đưa lão Sinh mất hút vào núi Phja Bjooc, đưa Cao và Din về phía có ánh mặt trời và tiếng con trẻ đùa vui, hay con đường đưa Lú vượt qua cánh cổng đá xa xa..., đều mang ý nghĩa biểu tượng rõ nét. Đó là hành trình tìm kiếm giá trị sống, chất lượng sống, khám phá bản thể trong một không gian thắm đẫm những trải nghiệm, những ngọt đắng của tình yêu nồng nàn, bí ẩn. Hành trình đó đưa con người trở về với chính mình. Nhân vật Bên (*Ngôi nhà xưa bên suối*) cũng vậy. Lưu (*Chiếc gương hình mặt trời*) đã dành cả phần đời ở Tây Nguyên xa xôi cho chuyến trở về này. Cả lão Khơ, Sinh, Lú và cả Cao, Din, Chao, Phang, Dồ... cũng vậy. Những cuộc đi tìm, có khi đến vô lý, ngón gằn hết thời gian đời người, đến phút cuối mới ngộ ra cuộc đời thật, con người thật của mình không phải là cuộc đời mình đang sống mà ở nhịp sống đã bị lỡ trong quá khứ. Chính vì vậy, hiện thực những nhân vật này đang sống chỉ là cõi tạm để hướng đến một cõi khác – nơi họ được chính là họ, bên cạnh người mình yêu thương. Cõi tạm vì vậy tràn đầy nỗi nhớ nhưng ám ảnh mà đến gần hết cuộc đời họ mới thật sự nhận ra. Đó là bản thể được xác thực trong tình yêu, tình yêu vượt không gian, thời gian và muôn vàn cách trở.

Những nhân vật của Cao Duy Sơn cũng luôn được đặt trong cuộc đấu tranh với hoàn cảnh, với chính bản thân để tìm kiếm, khẳng định bản ngã đích thực của mình. Đó là lão Kinh trong truyện ngắn *Hấp hối*, với thủ pháp giấc mơ, Cao Duy Sơn khắc họa sự biến dạng ngoại hình – ảnh phản của sự biến dạng nhân cách con người. Bà Lo (*Những đám mây hình người*), bà Ban (*Âm vang vọng hôn*), Lú trong tình yêu với Sù, Sinh và Ếm, Cao và Din... một bên là sống với chính những đam mê của mình, một bên là bi kịch của cuộc đời thực. Đó là cuộc vật lộn đấu tranh của con người trong cuộc tìm kiếm giá trị cuộc sống, cánh cổng đá (*Góc trời tây có cơn mưa đá*), hòn bi đá màu trắng... – là biểu tượng đầy ám gợi của văn hóa truyền thống trong xung đột

với văn hóa hiện đại. Những nhân vật của Cao Duy Sơn dường như bị sức mạnh của ý thức chế ngự, nhân vật vùi vùi rơi vào khoảng trống của chính mình và phải đánh đổi gần như một phần đời mới thoát ra được (Lão Kinh, lão Vược (*Cuộc báo thù cuối cùng*), Siu (*Song sinh*), Đồ, Lưu, Sinh, Khơ...). Đó là những bi kịch tinh thần của kiếp người nhỏ bé, dẫu yêu bà Ếm, bà Dinh, bà Ban nhưng lão Sinh, lão Súc Hỷ, lão Khuê (*Âm vang vong hồn*) vẫn phải sống với cuộc đời của mình, dẫu không muốn cũng không thể khác được – như cõi tạm mà đích đến là chợ tình hàng năm (*Chợ tình*), là bóng dáng người yêu xưa (*Súc Hỷ, Âm vang vong hồn, Lễ hội pháo hoa*). Còn Đồ đã phải trả cái giá quá đắt bằng chính vợ, con, gia đình và quãng thời gian ở tù của mình. Nhân vật phải đấu tranh để lựa chọn, giằng xé, trăn trở, chịu đựng sự cô độc khủng khiếp và nhận ra sự trống rỗng vô nghĩa của cuộc sống không phải là mình, bên ngoài mình để quay về với bản thể đích thực. Sự tương tác văn hóa còn được Cao Duy Sơn khắc họa trong hệ thống ngôn ngữ nhân vật đậm màu sắc dân tộc, qua nghệ thuật so sánh, ví von ẩn dụ gần gũi với đời sống thiên nhiên, núi rừng miền núi. Cách biểu đạt đặc trưng của người dân tộc, các thành ngữ, tục ngữ... cũng được Cao Duy Sơn khai thác tối đa nhằm khắc họa những va chạm, xung đột, mất, còn của văn hóa dân tộc miền núi. Tùy vào mức độ rạn nứt, đứt gãy, cải biến và định dạng văn hóa để màu sắc dân tộc trong ngôn ngữ được thể hiện đậm, nhạt khác nhau.

Xây dựng nhân vật như những chủ thể văn hóa đồng thời chịu sự tác động của văn hóa, dẫn đến những biến đổi trong cấu trúc tâm lý, ứng xử... truyện ngắn Cao Duy Sơn đã tái hiện được diện mạo văn hóa dân tộc Tày trong cuộc tiếp xúc, va chạm với văn hóa đương đại. Những khúc xạ văn hóa nhìn từ phương diện con người đó khiến tác phẩm của Cao Duy Sơn có sức hấp dẫn riêng biệt so với những nhà văn cũng viết về miền núi trước đây như Tô Hoài, Đái Đức Tuấn (Tchya Tuấn), Nguyễn Ngọc... Đó không còn là sự mô tả văn hóa, phong tục tập quán ở dạng tĩnh mà vượt lên khỏi giá trị tư liệu về dân tộc học, xã hội học, tác phẩm Cao Duy Sơn chỉ ra được những biến đổi, khúc xạ văn hóa, trở thành những thông điệp văn hóa. Trong xu thế hội nhập hiện nay, mọi nền văn hóa đều chịu áp lực của việc xâm thực văn hóa, vừa là nó, vừa không trùng khít với chính nó. Khám phá để nhận diện, định dạng, gọi tên một nền văn hóa là không dễ, vì vậy Cao Duy Sơn đã có những nỗ lực không nhỏ.

Nói đến văn hóa – văn học có thể thấy không có văn bản nào thật sự cô lập, một mình một cõi, như một sự sáng tạo tuyệt đối: Văn bản nào cũng chịu sự tác động của văn bản văn hóa, cũng ít nhiều chứa đựng những ý thức hệ thể hiện qua các hình thức diễn ngôn khác nhau trong xã hội. Về mặt lịch sử, người Tày là cư dân bản địa và giữ vai trò chủ thể từ ngàn năm nay ở Việt Bắc. Nếu đối



chiếu với lịch sử tộc người khu vực, có thể khẳng định rằng, người Tày ở Việt Nam là một cộng đồng có tính thống nhất rất cao, sớm có ý thức tộc người và tự giác dân tộc. Họ đã xây dựng nên một nền văn hóa đa màu sắc. Và "chỉ có những người đã tắm trong ngọn nguồn dân gian dân tộc trải nhiều thế hệ ở miền núi mới thật sự dồi dào khả năng nói lên được từ cảnh quan sống động treo trước mắt họ với niềm cảm xúc sâu xa, những suy tư trí tuệ sắc sảo, những sắc thắm tâm hồn mường bản" [16, Tr. 13]. Là đứa con của dân tộc Tày, với tình yêu quê hương tha thiết, hơn ai hết Cao Duy Sơn có sự tận tường cội rễ phong tục tập quán, lối sống của "người đồng mình". Vì thế ông viết về nó bằng niềm say mê vô hạn. Đặc biệt là khi giới thiệu về những nét văn hoá có một không hai của quê hương mình.

Tiểu thuyết Cao Duy Sơn có sự đồng hiện của nhiều yếu tố vốn nằm ở những lĩnh vực khác biệt. Cùng biểu hiện trên một văn bản, các luồng tư tưởng văn hoá, các loại hình nghệ thuật được kết hợp hài hoà nhuần nhuyễn tạo nên ý nghĩa mới, giá trị mới cho Cao Duy Sơn. Đây chính là một biểu hiện của tính "liên văn hoá" trong hiện thực mở rộng mối quan hệ giữa văn hoá "người mình" và văn hoá thời kỳ đổi mới của "người miền xuôi". Những nét đẹp truyền thống dần bị mất đi, con người dần đánh mất chính mình, sống giả dối, độc ác tàn nhẫn "sẵn sàng làm mọi việc người khác nhờ miễn sao có tiền. Những trò dốt gái cho khách mua dâm, trộm trâu bò bán cho dân đô tể, cả việc bôi mặt, thủ dao sẵn trong tay áo, chặn đường cướp đồ của đám buôn lậu xuyên rừng từ Trung Quốc về chúng đều từng làm. Vào tù, lại ra tù với chúng chỉ như một khoảng thời gian tạm nghỉ" [10, Tr. 203].

Môi trường thời kỳ toàn cầu hoá sinh ra những con người có nét tính cách nổi loạn – được hiểu như một nét phá cách, lệch chuẩn, so với trật tự chuẩn mực chung của xã hội. Kiểu con người nổi loạn, bút phá, quấy đạp vượt thoát mọi ràng buộc từng là cô Thị Mầu trong vở chèo *Quan Âm Thị Kính*, cô Xúy Vân giả dại qua ải... Trong tác phẩm của Cao Duy Sơn được thể hiện qua cách xây dựng hệ thống nhân vật. Với quan niệm con người thánh thiện và con người tha hóa, Cao Duy Sơn đã xây dựng hai hệ thống nhân vật song song nhau, có sự mâu thuẫn đối kháng nhau giữa truyền thống và lệch chuẩn.

TT	Tên tác phẩm	Nhóm nhân vật truyền thống	Nhóm nhân vật lệch chuẩn
1	Người lang thang	Ngán, Lão Nọng, Lão Tèn (Nùng Sinh), Nùng Chấn, Máy Nhung, Na Ban, Diên, Phung	Sèn Sì, Pìn Sì, Phúng Sòong, Lão Lâm, Phấn
2	Cực lạc	Lão Khôn, An, Mạc, Pồn, Mụ Nhẹo	Sáng Và, Lão Khóa

3	Hoa mạn đồ	Máy Lìn, Tài Pẩu, Lão Phu, Phán Thình, Vân, Vạng	Chẳng
4	Đàn trời	Vương, Thức, Bảo, Thục Vy, Diệu, Lê, Mỹ, Sấn Pì, Lão Mạc, Sầm Ky	Đình Xuân Ấn, Tuệ, Lương Nhân, Hóong già, Nhẫn, Thang, Thính
5	Chòm ba nhà	San, Lão Thi, Lương, Pa San, Me San, Lùng, Túng, Đàn, Coi, Hìn, Chu, Quân	Lão Tu, Lão Sóong, (Lang), Đầu Hói, Chu
		42	22

**Bảng 1.** Thống kê số lượng các kiểu loại nhân vật

Bảng thống kê số lượng các kiểu loại nhân vật cho thấy nhóm nhân vật lệch chuẩn luôn tồn tại song hành nhân vật truyền thống, dù ít hơn nhưng nguy cơ xâm nhập của cái xấu vẫn luôn tồn tại và cần cảnh giác. Hệ thống nhân vật truyền thống là những con người hiền lành chân chất, có nhân phẩm, đạo đức, giàu lòng hi sinh, có lý tưởng sống tốt đẹp. Phía ngược lại là những con người mất nhân cách, tàn bạo độc ác. Cuộc đấu tranh giữa hai tuyến nhân vật này thể hiện khát vọng một cuộc sống tự do, không có áp bức của đồng bào vùng cao.

Những nhân vật là chủ thể của văn hoá truyền thống thường mang màu sắc lý tưởng, huyền thoại, trong suốt, nguyên phiến. Đó là lão Noọng (*Người lang thang*), mặc dù có thân hình nhỏ thó như đứa trẻ nhưng tấm lòng, tình cảm thì vô cùng bao la và rộng lớn. Đó là Lão Khẩn (*Cực lạc*), lão sống trong một ngôi miếu ở Cô Sầu, lão không rời khỏi nơi đây nửa bước nhưng lão biết hết những gì xảy ra xung quanh, lão còn là chỗ dựa tinh thần lẫn vật chất cho An và Pồn. Đó là lão Phu (*Hoa mạn đồ*), sẵn sàng làm mọi việc, kể cả việc đối đầu với tên Chẳng tàn độc, để cứu mang Vân và Vạng, giải thoát cho Máy Lìn. Hoặc như lão Phu (*Hoa mạn đồ*), sẵn sàng làm mọi việc, kể cả việc đối đầu với tên Chẳng tàn độc để cứu mang Vân và Vạng, giải thoát cho Máy Lìn. Mụ Sấn Pì (*Đàn trời*) "*Mép có râu, tuy không đen như đàn ông nhưng có màu hung hung như lông bò. Tệ nhất trên thân thể mụ không phải là những bộ phận thô kệch đó, mà là bên chân phải của mụ, nó làm mụ nổi bật mỗi khi đi chuyển*" [10, Tr. 260], luôn rong ruổi trên đường mòn chênh vênh sườn núi, đến khắp các bản xa tìm mua lông gà, lông vịt, các loại xương thú

rừng, xương gà trống, dùng để nấu cao, rồi sau đó tập tễnh vượt rừng trở về thị xã, chui vào căn nhà đơn sơ bên sông Dâng, mù đồ hàng ra phân loại, nhặt nhanh, phơi phóng. Khi hàng được làm sạch, mù đùm túm cẩn thận rồi tự gánh sang Trung Quốc bán. Tiền kiếm được mỗi ngày "mụ khâu một bao tượng đủ cuốn hai vòng bụng, rồi cẩn thận luôn từng xấp vào, dệt chỉ từng đoạn, đi đâu mụ cũng đeo bên mình, thành ra nhìn mụ lúc nào cũng như người có chữa" [10, Tr. 261], "tiên của mụ có tiếng kêu cọt két của đòn càn, tiếng lạo xạo của bước chân đi qua những con đường mòn chênh vênh sườn núi" [10, Tr. 426]. Sấn Pì sống kham khổ và dành dụm như thế là để thực hiện lời hứa với ân nhân. Mụ xuất hiện mọi lúc, mọi nơi, hành động thật bí ẩn để giúp đỡ Thức, tính cách quyết liệt, dám sống, dám giành giật, đấu tranh với số phận định mệnh để thực hiện khát vọng của mình. Đó còn là Lão Thi (*Chòm ba nhà*). Đa số họ là những người già, đã từng đi qua những tháng năm đau khổ của cuộc đời nhưng họ vẫn giữ được tất cả những nét đẹp truyền thống của dân tộc. Họ có thể dị hình dị dạng như Lão Noọng (*Người lang thang*), Sấn Pì (*Đàn trời*). Những thân phận đáng thương ấy còn là những đứa trẻ mồ côi, cô đơn lạc lõng bị quăng ra giữa cuộc đời như Pồn (*Cực lạc*), có khi chúng còn mẹ đầy nhưng chịu nhiều hành hạ và phải sống cách xa như Vần, Vạng (*Hoa mạn đỏ*)... Tác giả xây dựng hàng loạt nhân vật dị dạng, xấu xí, hoặc mồ côi... không nhằm mục đích lên án, phê phán hay có thái độ hắt hủi, mà ngược lại tác giả dùng sự đối lập giữa hình dạng và tính cách, giữa sự nghèo khổ và đạo đức cá nhân, để làm nổi bật những nét đẹp về nhân cách, phẩm chất của thành phần bị coi là dưới đáy xã hội.

Nhà văn xây dựng những nhân vật chịu ảnh hưởng của văn hoá, quan niệm truyền thống, khát vọng về công bằng, lẽ phải... những cô gái trẻ đẹp như Máy Nhung, Na Ban, Diên (*Người lang thang*) phải chịu cảnh ép duyên, An (*Cực lạc*) bị bọn lưu manh hãm hại dẫn đến tình yêu tan vỡ, Máy Lìn (*Hoa mạn đỏ*) nhẹ dạ cả tin nên ôm hận vào mình, Diệu (*Đàn trời*) phải sống trong cảnh "đồng sản dị mộng", Luong (*Chòm ba nhà*) với nỗi oan tình gọi trời không thấu, gọi đất không hay... Họ mỗi người một cảnh đời khác nhau nhưng lúc nào cũng toát lên tấm lòng thủy chung, son sắt, của những con người giàu đức hi sinh, nhẫn nại, chịu thương chịu khó, nhường nhịn và chịu đựng để mọi cái tốt đẹp. Edgar Morin gọi đó là hiện tượng *đóng dấu ấn* (*imprinting*) về văn hóa và *chuẩn mực hóa* (*normalisation*) với vai trò áp đặt của văn hóa [10, Tr. 50]. "Những con người thuộc nền văn hóa nào đó, do cách nhận thức của họ đều sản sinh nên văn hóa và văn hóa này lại sản sinh ra cách nhận thức của con người" [14, Tr. 42]. Ngay từ khi ra đời, dấu ấn văn hóa đã ăn sâu vào bộ não ấu thơ của con người do quá trình ổn định hóa các tiếp xúc có chọn lọc.

Dấu viết về những vùng đất khác nhau hay về vùng đất Cao Bằng, cảm thức văn hóa dân tộc vẫn in đậm trong những trang văn của Cao Duy Sơn, như một nét riêng, sức mạnh làm nên tên tuổi của nhà văn. Con người, nhân lực làm nên bản sắc một vùng miền, là đội ngũ quan

trọng trong công cuộc tái thiết đất nước, cần được quan tâm xây dựng, bồi dưỡng. Đó là những con người giàu tình nặng nghĩa, tha thiết yêu cuộc sống, yêu thiên nhiên, đất nước, có một đời sống tinh thần mạnh mẽ. Trong những sinh hoạt, lối sống, ứng xử hàng ngày – những giá trị chuẩn mực của một thời vẫn được nâng niu, gìn giữ. Sự am hiểu, gắn bó máu thịt với văn hóa dân tộc khiến nhà văn chuyển hóa nhuần nhuyễn những đặc trưng văn hóa vùng miền, từ nếp sống, nếp nghĩ, thói quen đến những không gian, thời gian văn hóa, cách sử dụng ngôn ngữ. Từ nỗi da diết yêu quê hương, yêu con người và khát khao đổi mới, nhà văn xây dựng những hình mẫu con người văn hoá như những thực thể để xây dựng con người chủ thể của đất nước trong tương lai.

### III. Kết luận

Với văn xuôi Cao Duy Sơn, có thể thấy, đã có sự xích lại gần nhau của các giá trị văn hóa truyền thống và hiện đại, ở những vấn đề cơ bản của thời đại. Đặc biệt là vấn đề bản sắc văn hoá tộc người, thể hiện qua hàng số văn hoá của thời đại là con người. Nhân vật trong tác phẩm của nhà văn được xây dựng như những chủ thể mang vác các giá trị văn hóa, đồng thời cũng là những nhân tố chịu sự tác động và bị biến đổi bởi văn hóa đương đại. Đó là những con người trong hành trình tìm kiếm, khẳng định bản thể trước những tác động của ngoại cảnh, của sự xâm thực, giao thoa văn hóa. Khám phá sự biến đổi trong cấu trúc tâm lý, ứng xử của con người để tái tạo, nhận diện bề sâu các vỉa tầng văn hóa của dân tộc mình là định hướng rõ nét trong tác phẩm của Cao Duy Sơn. Khám phá các vỉa tầng văn hóa dân tộc mình để hiểu sâu và gìn giữ nó, nhưng không phải chỉ dừng lại ở đó, Cao Duy Sơn đã đặt con người văn hóa dân tộc mình trong xu thế hội nhập chung với văn hóa Việt Nam, văn hóa thế giới đương đại. Những dự báo này trong tác phẩm văn học giúp thấy rõ hơn những khúc xạ, biến đổi và định dạng các giá trị văn hóa dân tộc, và có cách điều chỉnh phù hợp định hướng xây dựng con người mới. Khám phá sự biến đổi trong cấu trúc tâm lý, ứng xử của con người để tái tạo, nhận diện bề sâu các vỉa tầng văn hóa của dân tộc mình và định hướng mẫu hình con người mới, nhân lực của xã hội thời đại mới, là nhiệm vụ, yêu cầu của xã hội. Từ đó khẳng định tính dự báo của văn học, trong đó có nhà văn Cao Duy Sơn. Xác định các giá trị, chuẩn mực văn hoá về con người thời đại mới để xây dựng, bồi dưỡng, đào tạo, thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao là nhiệm vụ trọng tâm của các cấp chính quyền, các cơ quan và toàn xã hội. Đó là nhiệm vụ chiến lược, lâu dài và bền vững của đất nước, dân tộc. Trong thời đại toàn cầu hoá và bối cảnh chuyển đổi số,

xây dựng nguồn nhân lực chất lượng cao luôn là yêu cầu cấp bách, bởi con người là trung tâm quyết định sự thành công của mọi quốc gia, dân tộc.

Nghiên cứu được Đại học Huế tài trợ, mã số: NCM. DHH.2021.09.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Duy Bắc (2008), *Sự biến đổi giá trị văn hóa trong bối cảnh xây dựng nền kinh tế thị trường ở Việt Nam hiện nay*, NXB Từ điển bách khoa, Hà Nội.
2. Jean Chevalier, Alain Gheerbrant (2002), *Từ điển biểu tượng văn hóa thế giới*, NXB Đà Nẵng.
3. Edgar Morin, (2008), *Phương pháp 4. Tư tưởng*, NXB ĐHQG Hà Nội.
4. Chu Thu Hằng (2008), *Cả đời tôi chỉ theo đuổi về đề tài miền núi*, Báo Văn nghệ.
5. Hoàng Ngọc La, Hoàng Hoa Toàn, Vũ Anh Tuấn (2002), *Văn hóa dân gian Tây*, Sở Văn hóa thông tin Thái Nguyên
6. Phong Lê (1998), *Nhà văn các dân tộc thiểu số Việt Nam hiện đại*, NXB Văn hoá dân tộc.
7. Phan Ngọc (1999), *Một cách tiếp cận văn hóa*, NXB Thanh niên.
8. Phan Ngọc (1998), *Về mối quan hệ giữa phê bình văn hóa và văn học*, *Tạp chí văn học*, số 9.
9. Cao Duy Sơn (1994), *Cực lạc*, tiểu thuyết, NXB Hội Nhà văn.
10. Cao Duy Sơn (2006), *Đàn trời*, tiểu thuyết, NXB Văn hóa Dân tộc.
11. Cao Duy Sơn (1999), *Hoa mạn đỏ*, tiểu thuyết, NXB Hội Quân đội.
12. Cao Duy Sơn (1992), *Người lang thang*, tiểu thuyết, NXB Hà Nội.
13. Cao Duy Sơn (2008), *Hoa bay cuối trời*, NXB Thanh Niên, Hà Nội.
14. Cao Duy Sơn (2002), *Chòm ba nhà*, NXB Văn hoá dân tộc.
15. Cao Duy Sơn (2008), *Ngôi nhà xưa bên suối*, NXB Văn hoá dân tộc.

16. Vũ Anh Tuấn (2004), *Truyện thơ Tày – nguồn gốc, quá trình phát triển và thi pháp thể loại*, NXB ĐHQG Hà Nội.
17. Trần Ngọc Thêm (1997), *Tìm hiểu bản sắc văn hóa Việt Nam*, NXB thành phố Hồ Chí Minh.